

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Quang Toàn
- Ông Nguyễn Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Vào năm 1996, chị P và anh B tự nguyện kết hôn, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18-5-2004. Sau khi kết hôn, chị P và anh B sống chung hạnh phúc một thời gian dài, nhưng nay giữa chị P và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong thời gian hôn nhân, chị P và anh B có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 02-02-1999 và

Trần Thanh T1, sinh ngày 28-3-1996, hiện tại các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Chị Lê Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Các con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 02-02-1999 và Trần Thanh T1, sinh ngày 28-3-1996 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21-02-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Anh B không có yêu cầu phản tố. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, thì anh B không đồng ý ly hôn với chị P. Về con chung, anh B thống nhất các con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 02-02-1999 và Trần Thanh T1, sinh ngày 28-3-1996 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh B, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết con chung, tài sản chung và nợ chung; bị đơn anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập lần thứ hai.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử chị P được ly hôn với anh B; về con chung, tài sản chung, nợ chung đương sự các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị P khởi kiện anh B để yêu cầu ly hôn, nhưng không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có

lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Như vậy, chị P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh B thống nhất trình bày hai bên tự nguyện kết hôn và sống chung hạnh phúc được một thời gian, nhưng hiện nay giữa chị P và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị P và anh B không còn sống chung. Mặc dù, anh B có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị P và anh B để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là quan hệ vợ chồng phải do cả hai bên thật sự tự nguyện mong muốn kết hôn và sống chung với nhau, để cùng quan tâm chăm sóc cho nhau, nhưng hiện tại chị P và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến không còn sống chung; giữa chị P và anh B đã có một trong hai bên không còn tự nguyện sống chung và cả hai cũng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nên cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Như vậy, hôn nhân giữa chị P và anh B đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh B thống nhất trình bày có 02 (hai) người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 02-02-1999 và Trần Thanh T1, sinh ngày 28-3-1996 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh B trình bày thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm, chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phà .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P được ly hôn với anh Trần Văn B.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000491 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Chị Lê Thị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn H, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)**